

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07 /2020/HS-ST

Ngày: 05/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều;
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Vũ Duy H; Sinh ngày 13/10/1977 tại huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Vũ Ngọc M và bà Vũ Thị C; có vợ là: Trần Thị H; có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo có bố là ông Vũ Ngọc M được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/11/2019 đến ngày 29/11/2019 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt).

2. Bị cáo **Đỗ Trọng N**; Sinh ngày 01/12/1993 tại huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Trọng Q và bà Lê Thị H; có vợ là: Trần Thị Y; có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/11/2019 đến ngày 29/11/2019 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt)

3. Bị cáo **Phạm Văn T**; Sinh ngày 20/7/1998 tại huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị M; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2016 tham gia nghĩa vụ quân sự đến năm 2018 xuất ngũ về địa phương; bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/11/2019 đến ngày 29/11/2019 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt)

4. Bị cáo **Phạm Văn D**; sinh ngày 21/6/2000 tại huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Phạm Văn T và bà Đỗ Thị Y; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/11/2019 đến ngày 29/11/2019 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt)

5. Bị cáo **Đỗ Duy G**; sinh ngày 02/9/1992 tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Duy T và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2016 tham gia nghĩa vụ quân sự đến năm 2018 xuất ngũ về địa phương; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/11/2019 đến ngày 29/11/2019 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt)

6. Họ và tên: **Nguyễn Xuân L**; Sinh ngày 02/5/1982 tại huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Quang L (tên gọi khác: Nguyễn Cao L) và bà Vũ Thị H; có vợ là: Vũ Thị Như Q; có 01 con; nhân thân: Bản án số 45/2015/HSST ngày 29/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 07/02/2016 và đã thi hành xong phần án phí hình sự ngày 09/8/2016. Bị cáo có bố là ông Nguyễn Quang L, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, mẹ là bà Vũ Thị H được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì do đều có công lao trong cuộc kháng chiến chống M cứu nước; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/11/2019 đến ngày 29/11/2019 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt)

7. Bị cáo **Nguyễn Văn Đ**; sinh ngày 25/4/1993 tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2016 tham gia nghĩa vụ quân sự đến năm 2018 xuất ngũ trở về địa phương; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/11/2019 đến ngày 29/11/2019 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Duy H, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Duy G, Phạm Văn T, Nguyễn Xuân L, Phạm Văn D, Đỗ Trọng N đều là công nhân tại công ty TNHH Leader Wins Shoes thuộc thôn D, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình. Khoảng 12 giờ 00 phút

ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại công ty TNHH Leader Wins Shoes, các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “ba cây”. Về thể thức chơi “ba cây” cụ thể như sau: Sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân, sau khi bỏ hết các quân bài 10, J, Q, K thì sẽ sử dụng 36 quân còn lại từ A đến 9. Người chia bài chia cho mỗi người chơi 03 quân bài sau đó cùng nhau cộng điểm. Trước khi lên bài mỗi người đặt một số tiền cược 10.000 đồng ở giữa gọi toàn bộ số tiền góp ở giữa. Tổng điểm cao nhất là 10, nếu cao hơn 10 thì sẽ tính hàng đơn vị. Trường hợp lên bài bằng điểm nhau thì sẽ độ chất theo thứ tự từ lớn đến bé như sau: Cơ, rô, tép, bích và quân A là to nhất. Đến khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tại khu vực đánh bạc số tiền là **1.260.000đ** (*Một triệu hai trăm sáu mươi nghìn*), thu giữ trên người những người đánh bạc số tiền **9.460.000đ** (*Chín triệu bốn trăm sáu mươi nghìn*) là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc, một bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

Số tiền mang theo xác định sử dụng vào việc đánh bạc và việc thua, thắng của những người tham gia đánh bạc được xác định cụ thể như sau:

- Bị cáo Vũ Duy H: Mang theo 5.710.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi đánh bạc bỏ ra 60.000 đồng, số tiền còn lại để trong ví. Quá trình đánh không rõ thắng, thua. Khi lực lượng công an bắt thì bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền 5.650.000 đồng.

- Bị cáo Đỗ Trọng N: Mang theo 1.800.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi đánh bạc mới bỏ ra 50.000 đồng, số tiền còn lại để trong túi. Quá trình đánh thua 20.000 đồng. Khi lực lượng công an bắt thì N tự nguyện giao nộp số tiền 1.750.000 đồng.

- Bị cáo Phạm Văn T: Mang theo 1.240.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi đánh bạc mới bỏ ra 180.000 đồng, số tiền còn lại để trong túi. Quá trình đánh không rõ thắng, thua. Khi lực lượng công an bắt thì T tự nguyện giao nộp số tiền 1.060.000 đồng.

- Bị cáo Phạm Văn D: Mang theo 930.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi đánh bạc mới bỏ ra 130.000 đồng, số tiền còn lại để trong ốp điện thoại. Quá trình đánh không rõ thắng, thua. Khi lực lượng công an bắt thì D tự nguyện giao nộp số tiền 800.000 đồng.

- Bị cáo Đỗ Duy G: Mang theo 420.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi đánh bạc mới bỏ ra 120.000 đồng, số tiền còn lại để trong túi quần. Quá trình đánh không rõ thắng, thua. Khi lực lượng công an bắt thì G bỏ hết 300.000 đồng dưới khu vực đánh bạc. Khi bị bắt không bị quản lý tiền.

- Bị cáo Nguyễn Xuân L: Mang theo 310.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi đánh bạc mới bỏ ra 110.000 đồng, số tiền còn lại để trong túi quần. Quá trình đánh không rõ thắng, thua. Khi lực lượng công an bắt thì L tự nguyện giao nộp số tiền 200.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ: Mang theo 100.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Quá trình đánh không rõ thắng, thua, tiền để dưới khu vực đánh bạc. Khi bị bắt không bị quản lý tiền.

Tổng số tiền xác định các bị cáo sử dụng để đánh bạc là **10.720.000đ** (Mười triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Quá trình đánh bạc, không có người canh coi, không có người cho vay, cầm cố tài sản để đánh bạc.

Cáo trạng số 06/CT-VKSVT ngày 21 tháng 01 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Vũ Duy H, Đỗ Trọng N, Phạm Văn T, Phạm Văn D, Đỗ Duy G, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Duy H, Đỗ Trọng N, Phạm Văn T, Phạm Văn D, Đỗ Duy G, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu; đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Vũ Duy H, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Duy G, Phạm Văn T, Nguyễn Xuân L, Phạm Văn D, Đỗ Trọng N phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Duy H mức án tù 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (Riêng bị cáo Tuấn được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51) ; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Đỗ Trọng N, Phạm Văn D, Phạm Văn T mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Duy G mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 20.000.000đồng đến 25.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321; Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Vũ Duy H, Đỗ Duy G, Phạm Văn T, Nguyễn Xuân L, Phạm Văn D, Đỗ Trọng N từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000đồng để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

- Tịch thu số tiền 10.720.000 đồng là tiền sử dụng vào việc đánh bạc trái phép để sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì đối với Luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để có điều kiện lao động, chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là chứng cứ buộc tội lẫn nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, nội dung bản cáo trạng đã mô tả và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình, lập hồi 12 giờ 30 phút ngày 22/11/2019, tại công ty TNHH Leader Win Shoes thuộc địa phận thôn D, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là anh Nguyễn Hữu Đ.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 22/11/2019, tại khu vực xưởng đang thi công của công ty TNHH Leader Win Shoes thuộc thôn D, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình, Vũ Duy H, Đỗ Trọng N, Phạm Văn T, Phạm Văn D, Đỗ Duy G, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “ba cây”. Đến khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Số tiền xác định các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc trái phép và thu trên khu vực đánh bạc là 10.720.000 đồng. Trong đó: Thu giữ tại khu vực đánh bạc số tiền là 1.260.000 đồng, thu trên các bị cáo sử dụng để đánh bạc số tiền 9.460.000 đồng và 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân.

Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện hành vi đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền. Hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào tội: “*Đánh bạc*” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức “ba cây” của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, đi ngược với thuần phong mỹ tục của dân tộc ta. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội hiện nay đang có chiều hướng gia tăng, là mầm mống làm phát sinh một số loại tội phạm khác, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đã trực tiếp đánh bạc sát phạt nhau, chiếm đoạt tài sản của nhau một cách bất hợp pháp thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật, coi thường giá trị sức lao động của con người. Tuy nhiên các bị cáo đều là người lao động thuần túy, việc đánh bạc của các bị cáo chỉ là mang tính bột phát, nhất thời, việc đánh bạc diễn ra trong khoảng thời gian ngắn. Xét tính chất của vụ án thì thấy đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là những đồng phạm thực hành. Tuy nhiên trong vụ án này có nhiều bị cáo phạm tội nên cần đánh giá, phân tích rõ vai trò, hành vi phạm tội của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp.

Bị cáo Vũ Duy H sử dụng số tiền tham gia đánh bạc lớn nhất nên xếp bị cáo có vai trò cao nhất trong vụ án.

Bị cáo Đỗ Trọng N sử dụng 1.800.000 đồng vào việc đánh bạc; Phạm Văn T sử dụng 1.240.000 đồng vào việc đánh bạc; Phạm Văn D sử dụng 930.000 đồng vào việc đánh bạc nên xếp N, T, D có vai trò thứ 2 và ngang nhau.

Các bị cáo Đỗ Duy G, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất nên xếp các bị cáo có vai trò thấp nhất .

Do vậy các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng mới có tác dụng trừng trị, giáo dục các bị cáo đồng thời còn là bài học răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xét đến nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo Vũ Duy H, Đỗ Trọng N, Phạm Văn T, Phạm Văn D, Đỗ Duy G, Nguyễn Văn Đ đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

Bị cáo Nguyễn Xuân L đã từng bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng đã được xóa án tích.

- Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo Vũ Duy H, Đỗ Trọng N, Phạm Văn T, Phạm Văn D, Đỗ Duy G, Nguyễn Văn Đ đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Xuân L được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và “*Người phạm tội đã lập công chuộc tội*” quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Vũ Duy H, Phạm Văn T, Đỗ Duy G, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: các bị cáo T, G, Đ đã có thời gian tham gia quân ngũ, có đóng góp nhất định trong sự nghiệp đấu tranh, bảo vệ Tổ quốc. Còn bố đẻ của bị cáo Vũ Duy H là người có công với nước được Chủ tịch hội đồng nhà nước CHXHCNVN tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bố đẻ và mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Xuân L cũng đều là người có công với nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Các bị cáo Vũ Duy H, Đỗ Trọng N, Phạm Văn T, Phạm Văn D, Đỗ Duy G, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy:

Cần xử phạt các bị cáo Vũ Duy H, Đỗ Trọng N, Phạm Văn T, Phạm Văn D, Đỗ Duy G, Nguyễn Xuân L một mức án như đại diện của Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp. Do vậy không nhất thiết phải cách ly các bị cáo Vũ Duy H, Đỗ Trọng N, Phạm Văn T, Phạm Văn D, Đỗ Duy G, Nguyễn Xuân L ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ có nhân thân tốt, có số tiền tham gia đánh bạc ít, có vai trò thấp nhất trong vụ án và Đức có thời gian tham gia trong quân ngũ, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo Đ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

*** Về hình phạt tiền:** Theo quy định tại khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”*.

Các bị cáo đánh bạc dưới hình thức đánh “ba cây” là mang tính sát phạt nhau. Vì vậy cần áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Vũ Duy H, Đỗ Trọng N, Phạm Văn T, Phạm Văn D, Đỗ Duy G, Nguyễn Xuân L từ 07 - 10 triệu đồng để sung ngân sách Nhà nước.

[6] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự :

[6.1] Số tiền 10.720.000đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam là tiền sử dụng vào việc đánh bạc trái phép nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[6.1] 01 bộ bài tú lơ khơ là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Duy H, Đỗ Trọng N, Phạm Văn T, Phạm Văn D, Đỗ Duy G, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Duy H 01 (*một*) năm 03(ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/3/2020.

Phạt tiền bị cáo Vũ Duy H 7.000.000 (Bảy triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

2.2 Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Trọng N 01 (*một*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (*hai*) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/3/2020;

Phạt tiền bị cáo Đỗ Trọng N 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

2.3 Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (*một*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (*hai*) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/3/2020;

Phạt tiền bị cáo Phạm Văn T 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

2.4 Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 01 (*một*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (*hai*) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/3/2020;

Phạt tiền bị cáo Phạm Văn D 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

2.5 Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Duy G 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/3/2020;

Phạt tiền bị cáo Đỗ Duy G 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

2.6 Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, u khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/3/2020;

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Xuân L 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Duy H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao bị cáo Đỗ Trọng N cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Giao bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn D, Nguyễn Xuân L cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Giao bị cáo Đỗ Duy G cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Vũ Duy H, Đỗ Trọng N, Phạm Văn T, Phạm Văn D, Đỗ Duy G, Nguyễn Xuân L cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.7 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*) để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên xử:

3.1 Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân (đã qua sử dụng).

3.2 Tịch thu số tiền 10.720.000 (*Mười triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*) là tiền sử dụng vào việc đánh bạc trái phép để sung ngân sách Nhà nước.

(*Vật chứng của vụ án đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14 tháng 02 năm 2020*).

4. Án phí: Căn cứ vào Điều 135; Điều 136, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Vũ Duy H, Đỗ Trọng N, Phạm Văn T, Phạm Văn D, Đỗ Duy G, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Vũ Duy H, Đỗ Trọng N, Phạm Văn T, Phạm Văn D, Đỗ Duy G, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/3/2020.

Nơi nhận :

- Các bị cáo;
- Công an huyện V;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- UBND xã Việt Hùng, huyện V;
- UBND xã Hiệp Hòa, huyện V;
- UBND xã T, huyện V, TB
- UBND xã B, huyện Đ, TB
- Sở Tư pháp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Hành chính Tư pháp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)